TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 416 /2025/DS-ST
Ngày: 03/6/2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Hường

2. Bà Lê Thị Sao

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 485/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 678/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; Địa chỉ: 47H Lý Chiêu H, phường 10, quận 6, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ái L; Địa chỉ: 257A14 Nguyễn Văn L, Khu dân cư C, phường 10, Quận G, Thành phố H (theo Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn CT).

Bị đơn*:* - Ông Phạm Trần L, sinh năm: 1964

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: 91/29/3 Trần T, phường T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M.

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023, Đơn sửa đổi đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D do bà Nguyễn Thị Ái Lành đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Văn D có 02 (hai) quốc tịch Việt Nam và Mỹ, vì vậy ngoài tên Nguyễn Văn D (CCCD số: 079071023648 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/10/2022) thì ông D còn sử dụng tên là Lee Victor Nguyen (hay gọi tắt là Lee Nguyen, số hộ chiếu 672097530 cấp tại Mỹ).

Ông D có cho vợ chồng ông Phạm Trần L và bà Nguyễn Thị P mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 100.600 USD và 25 cây vàng 24K. Khi cho mượn tiền và vàng thì ông D đưa tiền trực tiếp cho ông L và bà P, sau đó hai bên mới lập Hợp đồng vay tiền, có các nội dung sau:

- Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004 có nội dung: Bên cho vay là ông D (đứng tên Hợp đồng là Lee Nguyen), bên vay là ông Phạm Trần L và bà Nguyễn Thị P (bà Nguyễn Thị P ký tên người vay), vay số tiền 34.000 USD và 25 lượng vàng 24K; Vay không có lãi; Thời hạn vay 07 năm (từ ngày 03/8/2004 đến ngày 03/8/2011). Chứng kiến việc cho vay có ông Võ Quốc Tùng, ông Nguyễn Văn Giỡn (đã chết) và bà Trương Thị Thanh Thảo. Ngoài ra, ông L và bà P đồng ý để ông D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi nhà của ông bà để trả số tiền vay nợ.

- Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2005 có nội dung: Bên cho vay ông D (đứng tên Hợp đồng Lee Nguyen), bên vay bà Nguyễn Thị P (ông Phạm Trần L và bà Nguyễn Thị P ký tên là người vay); số tiền vay 50.000 USD; Lãi vay 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 24/6/2005 đến ngày 24/6/2006); Tài sản bảo đảm của khoản vay là nhà đất số 628/89/25 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh do ông L bà P đứng tên sở hữu, sử dụng. Việc thế chấp hai bên không lập hợp đồng thế chấp. Ông L bà P chỉ đưa Bản photo của Hợp đồng mua bán căn nhà trên. Khi cho vay có những người làm chứng là Trương Thị Thanh Thảo, Nguyễn Văn Giỡn (đã chết), ông Võ Quốc Tùng, ông Nguyễn Văn Tài. Trong quá trình vay, ông L bà P không có trả tiền lãi.

- Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009, có nội dung: Bên cho vay ông D (đứng tên Hợp đồng là Lee Victor Nguyen), bên vay là ông Phạm Trần L và bà Nguyễn Thị P; Số tiền vay 16.600 USD. Vay không lãi suất; Thời hạn vay 05 (năm) tháng (từ ngày 16/7/2009 đến ngày 16/12/2009); Tài sản bảo đảm của khoản vay trên là nhà đất số 628/89/25 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và số 628/89/28 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thế chấp hai bên không lập hợp đồng thế chấp. Việc cho vay có bà Trương Thị Thanh Thảo, bà Trương Thị Thanh Dung, ông Nguyễn Văn Tài làm chứng.

Đã đến hạn trả nợ nhưng ông L bà P không trả nợ cho ông D, do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông L và bà P thanh toán cho ông D số tiền 100.000 USD và 25 lượng vàng 24K. Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 21/4/2025, ông D có Đơn sửa đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu bà P trả cho ông D số tiền 50.000 USD theo tỷ giá ngoại tệ 1 USD là 25.500 VND và 25 lượng vàng 24K theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004.

- Yêu cầu bà P trả 16.000 USD theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009, giảm 600 USD.

- Yêu cầu bà P và ông L trả cho ông D số tiền 50.000 USD theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2005.

- Rút yêu cầu phát mãi nhà đất số 628/89/25 Hậu Giang và nhà số 628/89/28 Hậu Giang, phường 12, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải nhưng ông L bà P vắng mặt, do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Nguyên đơn ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể*:

+ Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004: Yêu cầu bà P trả số tiền 34.000 USD (quy đổi 1 USD = 25.500 VNĐ tương ứng với số tiền 867.000.000 đồng) và 25 lượng vàng 24K (giá 01 lượng vàng 24K là 110.000.000 đồng tương ứng số tiền 2.750.000.000 đồng).

+ Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009: Yêu cầu bà P trả số tiền 16.000 USD, giảm 600 USD, tương ứng với số tiền 408.000.000 đồng.

+ Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2005: Yêu cầu bà P ông L trả số tiền 50.000 USD tương ứng với số tiền 1.275.000.000 đồng.

+ Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Rút yêu cầu phát mãi tài sản là nhà đất số 628/89/25 Hậu Giang và nhà số 628/89/28 Hậu Giang, phường 12, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ

- *Bị đơn bà P, ông L:* Vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: ông L bà P có vay tiền của ông D, cụ thể: Bà P có vay của ông D 50.000 USD và 24 lượng vàng 24K theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004 và Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009, ông L bà P có vay của ông D 50.000 USD theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2005

Đối với số tiền ông D cho ông L bà P vay là ngoại tệ. Căn cứ Điều 22 pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2013) thì nguyên đơn và bị đơn không đủ điều kiện để giao dịch ngoại hối, do đó, hợp đồng vay giữa các bên đã vi phạm điều cấm của pháp luật nên giao dịch vô hiệu, các bên trả cho nhau những gì đã nhận, do đó, ông D yêu cầu bà P trả số tiền 50.000 USD tương ứng với số tiền 1.275.000.000 đồng và ông D yêu cầu ông L bà P trả số tiền 50.000 USD tương ứng với số tiền 1.275.000.000 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 122 và Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 25 lượng vàng loại 24K mà ông D cho bà P vay, nay đến hạn trả nợ bà P không trả nên ông D khởi kiện là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đình chỉ yêu cầu phát mãi tài sản hai căn nhà số 628/89/25 Hậu Giang và số 628/89/28 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TPHCM do ông D rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận Tân P nên Tòa án nhân dân quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tố

ng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

[2.1] Xét, Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004 thể hiện: Ông D có cho bà P vay số tiền 34.000 USD và 25 lượng vàng loại 24K, thời hạn vay là 07 năm (hạn cuối là ngày 03/8/2011). Đến hạn thanh toán, bà P không thanh toán nên ông D khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền trên.

Xét, ông D cho bà P vay số tiền 34.000 USD. Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi năm 2013) thì các bên không đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch về ngoại hối, do đó, việc ông D cho bà P vay số tiền 34.000 USD là vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ Điều 122, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 thì giao dịch giữa ông D bà P là vô hiệu, các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, do đó, ông D yêu cầu bà P trả số tiền gốc 34.000 USD. Căn cứ tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm xét xử (ngày 03/6/2025) thì 01 USD bán ra có giá là 26.230 đồng, giá mua vào là 25.840 đồng. Ông D đề nghị tính tỷ giá 1 USD là 25.500 đồng, là có lợi

cho bị đơn nên ghi nhận. Do đó, tỷ giá 1USD được tính là 25.500 đồng Việt Nam tương ứng với số tiền 867.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét, ông D cho bà P vay 25 lượng vàng loại 24K. Đến hạn trả nợ, bà P không trả nên ông D khởi kiện yêu cầu bà P trả 25 lượng vàng loại 24 K . Căn cứ giá niêm yết của Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn thì giá 01 lượng vàng loại 24K tại thời điểm xét xử (ngày 03/6/2025 là 116.000.000 đồng/lượng). Ông D đề nghị tính giá vàng là 110.000.000 đồng/lượng là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Do đó, ông D yêu cầu bà P trả số tiền 25 lượng vàng 24K tương ứng với số tiền 2.750.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét, Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009 thể hiện: Ông D có cho bà P vay số tiền 16.600 USD, thời hạn vay 05 tháng (hạn cuối là ngày 16/12/2009). Đến hạn thanh toán, bà P không thanh toán nên ông D khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 16.000 USD. Ông D tự nguyện giảm 600 USD nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi năm 2013) thì các bên không đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch về ngoại hối, do đó, việc ông D cho bà P vay số tiền 16.600 USD là vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ Điều 122, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 thì giao dịch giữa ông D bà P là vô hiệu, các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Nay ông D chỉ yêu cầu bà P trả số tiền 16.000 USD tương ứng với số tiền 408.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng bà P có nghĩa vụ trả cho ông D là 867.000.000 đồng + 2.750.000.000 đồng + 408.000.000 đồng = 4.025.000.000 đồng.

[2.3] Xét, Hợp đồng vay tiền 24/6/2005 thể hiện: Ông D có cho bà P ông L vay số tiền 50.000 USD, thời hạn vay 12 tháng (hạn cuối là ngày 24/6/2006). Lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng. Phía ông D trình bày bà P ông L không thanh toán lãi, phía bà P ông L vắng mặt không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông D.

Nay đến hạn thanh toán nhưng bà P ông L không thanh toán nên ông D khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc 50.000 USD. Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi năm 2013) thì các bên không đủ điều kiện để thực hiện các giao dịch về ngoại hối, do đó, việc ông D cho bà P ông L vay số tiền 50.000 USD là vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ Điều 122, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 thì giao dịch giữa ông D với bà P ông L là vô hiệu, các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Nay ông D chỉ yêu cầu bà P, ông L trả số tiền 50.000 USD tương ứng với số tiền 1.275.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu phát mãi tài sản: Ngày 07/5/2025, ông D có đơn rút yêu cầu phát mãi tài sản là nhà đất tọa lạc tại số 628/89/25 Hậu Giang phường 12 quận 6 và nhà đất số 628/89/28 Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[2.5] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông D yêu cầu bà P, ông L trả số tiền nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà P, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, việc này đã gây thiệt hại đến quyền và lợi

ích hợp pháp của ông D, do đó, ông D yêu cầu bà P ông L trả số tiền nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho ông D là 4.025.000.000 đồng, tương ứng với số tiền án phí bà P phải chịu là 112.025.000 đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho ông D là 1.275.000.000 đồng, tương ứng với số tiền án phí bà P ông L phải chịu là 50.250.000 đồng.

Hoàn lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí 54.355.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0038622 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 122, Điều 137, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

- Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn D số tiền 867.000.000 đồng và 25 lượng vàng loại 24K (tương ứng với số tiền 2.750.000.000 đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2004

- Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn D số tiền 408.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2009.

- Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Phạm Trần L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 1.275.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2005.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lãi suất phát sinh do chậm

trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Đình chỉ yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là nhà đất tọa lạc tại số 628/89/25 Hậu Giang phường 12 quận 6 và nhà đất số 628/89/28 Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.025.000 đồng.

- Ông Phạm Trần L, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.250.000.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí 54.355.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0038622 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân P;
- Chi cục THADS quận Tân P;
- Lưu VP, hồ sơ (Vinh)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai